TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 27-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hiếu.

- Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân thụ lý số 745/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Trụ sở: Tầng T, Tòa nhà S, 111A đường P, Phường BN, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Thị Th, Nguyễn Thị Minh H, Nguyễn Xuân N (giấy ủy quyền số 12613422 ngày 11/11/2022).

Địa chỉ Tầng T, Tòa nhà S, 111A đường P, Phường BN, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Nam G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số nhà 75 Bis đường N, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/11/2017 ông Trần Nam G (gọi tắt là bị đơn) ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông G, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 354.824.279 đồng. Tính đến ngày 27/02/2023, ông G còn nợ Ngân hàng 373.239.516 đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm mười sáu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán 179.162.554 đồng tiền gốc, 12.322.277 đồng phí thẻ và 76.776.129 đồng tiền lãi.

Do ông G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 04/6/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông G và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng khởi kiện buộc ông Trần Nam G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 27/02/2023 là: 373.239.516 đồng. Bao gồm: Phí thẻ, lãi và nợ gốc. Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/02/2023 cho đến khi ông Trần Nam G thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Bản Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế; Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn ông Trần Nam G không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đơn của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/02/2023 là 373.239.516 đồng (bao gồm nợ gốc: 179.162.554 đồng và lãi quá hạn 71.130.303 đồng, phí thẻ 122.946.659 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bị đơn ông Trần Nam G, có hộ khẩu tại số nhà 75 Bis đường N, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập chứng cứ nơi ông G cư ngụ tại LĐ, tại Quận B, Tp Hồ Chí Minh và tại nơi ông G cư trú cuối cùng là 75 Bis

đường N, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ xác minh của Công an phường tại các địa phương cho thấy, hiện nay ông G không rõ địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng, triệu tập xét xử lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 27/02/2023 là 373.239.516 đồng (bao gồm nợ gốc: 179.162.554 đồng và lãi quá hạn 71.130.303 đồng, phí thẻ 122.946.659 đồng).

2.1 Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định, bị đơn đã ký Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 09/11/2017 và đã được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng có số tài khoản: 000000000xxxxxx; loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB Platinum; ngày phát hành: 09/11/2017; hạn mức thẻ: 200.000.000 VNĐ; lãi suất, phí, theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

2.2 Theo nội dung phần cam kết của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, bị đơn có ghi: "Tôi đồng ý với đơn đăng ký phát hành thẻ, bản chấp thuận về điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, biểu phí các điều khoản và điều kiện khác được công bố trên Website, nếu được chấp thuận thì đơn đăng ký phát hành thẻ này cùng với bản chấp thuận về điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng, bảng sao kê tạo thành 1 hợp đồng (hợp đồng tín dụng) ràng buộc về mặt pháp lý. Ngày của hợp đồng tín dụng là ngày được VIB chấp thuận cấp thẻ tín dụng, số hợp đồng tín dụng cũng là số thẻ tín dụng được phát hành".

2.3 Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 354.824.279 đồng, đã thanh toán thanh toán 179.162.554 đồng tiền gốc, 12.322.277 đồng phí thẻ và 76.776.129 đồng tiền lãi. Do ông G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 04/6/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông G theo quy định tại Điều 11.3 của Bản điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

2.4 Xét về lãi suất cho vay, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên, bị đơn cam kết "Tôi đồng ý với đơn đăng ký phát hành thẻ, bản chấp thuận về điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, biểu phí các điều khoản và điều kiện khác được công bố trên Website".

2.5 Căn cứ Điều 5 thông tư số 19 ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì bị đơn đồng ý thu phí theo Biểu phí dịch vụ của nguyên đơn. Nguyên đơn đã công bố biểu phí dịch vụ trên Website để bị đơn biết và thực hiện trả. Thực tế bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 12.322.277 đồng phí thẻ. Do đó bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn phí dịch vụ như thỏa thuận tại về điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

2.6 Từ ngày 04/6/2019 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông G và chuyển toàn bộ dư nợ là 373.239.516 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".* Do đó, mức lãi suất nguyên đơn áp dụng để tính lãi quá hạn cho bị đơn là không trái với quy định của pháp luật.

2.7 Như vậy, bị đơn đã không thanh toán các khoản nợ sau khi hết thời hạn vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ bảng tóm tắt sao kê của khách hàng Trần Nam G, tạm tính đến ngày 27/02/2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 373.239.516 đồng (bao gồm nợ gốc: 179.162.554 đồng, lãi quá hạn 71.130.303 đồng, phí thẻ 122.946.659 đồng) là có cơ sở pháp lý, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Về quyền kháng cáo: bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 90; 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung ngày 20/11/2017;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Trần Nam G phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền còn nợ và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/02/2023 của Bản

đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB ngày 09/11/2017 tổng cộng là 373.239.516 đồng (bao gồm nợ gốc: 179.162.554 đồng, lãi quá hạn 71.130.303 đồng và phí thẻ 122.946.659 đồng).

Kể từ ngày 28/02/2023, ông Trần Nam G phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q cho đến khi ông G trả dứt nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Nam G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.661.976 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 9.331.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008xxx ngày 18/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Cành